

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SẦM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày: 07 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Ngọc Trọng

Ông Nguyễn Việt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hà Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Thị Tố L - Sinh năm 1981 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Đức V và bà: Lê Thị T (đã chết); Có chồng là Lê Minh N và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/01/2024 đến ngày 08/01/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Ngô Thị L1 – Sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Q, thành phố S, Thanh Hóa

Chị Văn Thị H – SN 1982;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Q, thành phố S, Thanh Hóa

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau: Ngày 05/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố S nhận được tố giác của quần chúng nhân dân về việc đối tượng Bùi Thị Tố L ở tổ dân phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa cho vay lãi nặng. Tiến hành triệu tập làm việc, Bùi Thị Tố L xin đầu thú, khai nhận hành vi cho vay lãi nặng và giao nộp 01 điện thoại Samsung Galaxy Z Fold 5 gắn sim số 0921.326.999.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Thị Tố L thu giữ: 07 túi clear bên trong có chứa 06 hợp đồng vay, giấy vay; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ngô Quang T1 và Lê Thị L2; 04 thẻ ngân hàng mang tên Bùi Thị Tố L, trong đó có 02 thẻ ngân hàng A và 02 thẻ ngân hàng T3.

Quá trình điều tra xác định: Từ năm 2022 đến năm 2023, Bùi Thị Tố L vay vốn tại ngân hàng A (A) Thanh Hóa và Quỹ tín dụng phường Q, thành phố T để kinh doanh bất động sản. Do nhiều người có nhu cầu vay không có thế chấp tài sản nên L đã cho vay để tính lãi suất cao. Từ tháng 5/2023 đến tháng 8/2023, L cho nhiều người vay tiền bằng hình thức viết hợp đồng vay, giấy vay, cho vay cắt lãi trước, thỏa thuận lãi ngoài 3.000đồng/triệu/ngày và yêu cầu người vay trả bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền khi đến hạn trả qua tài khoản số 234816868888 ngân hàng A của Bùi Thị Tố L. Cụ thể như sau:

1. Ngô Thị L1 ở tổ dân phố N, phường Q, thành phố S vay Bùi Thị Tố L 02 lần:

- Lần 1: Ngày 17/5/2023, Ngô Thị L1 vay 10.000.000 đồng. L yêu cầu Lê viết giấy vay nợ, L giữ một bản và giao cho Lê một bản, thỏa thuận lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm. L cắt lãi trước 900.000 đồng tháng đầu. Đến ngày 17/11/2023, Lê trả được 06 tháng tiền lãi với số tiền 5.400.000 đồng. Đến ngày 15/12/2023, L1 đã trả hết nợ gốc cho L nhưng vẫn còn nợ L số tiền lãi từ ngày 17/11/2023 đến ngày 15/12/2023 (28 ngày) là 840.000 đồng. Tiền lãi theo quy định nhà nước với lãi suất 20%/năm là 1.139.726 đồng, L nhằm thu lợi bất chính số tiền 5.100.274 đồng, đã thu lợi bất chính là 4.260.274 đồng.

- Lần 2: Ngày 02/6/2023, L1 tiếp tục vay 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm. L yêu cầu Lê viết giấy vay nợ, L giữ một bản và giao cho Lê một bản. L cắt lãi trước 9.000.000 đồng tháng đầu. Đến ngày 02/11/2023, Lê trả được 05 tháng tiền lãi với số tiền 45.000.000 đồng. Đến ngày 15/12/2023, L1 đã trả hết nợ gốc cho L nhưng vẫn còn nợ L số tiền lãi từ ngày 02/11/2023 đến ngày 15/12/2023 (44 ngày) là 13.200.000 đồng. Tiền lãi theo quy định nhà nước với lãi suất 20%/năm là 10.630.173 đồng, L nhằm thu lợi bất chính số tiền 47.569.863 đồng, đã thu lợi bất chính là 34.369.863 đồng.

Tổng số tiền Bùi Thị Tố L cho Ngô Thị L1 vay lãi nặng nhằm thu lời bất chính là 52.670.137 đồng, đã thu lợi bất chính là 38.630.137 đồng.

2. Văn Thị H ở tổ dân phố H, phường Q, thành phố S vay Bùi Thị Tố L 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 6/2023, Văn Thị H vay không kỳ hạn số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm. Hằng vay của L 20 ngày thì trả toàn bộ tiền gốc và lãi (gốc 20.000.000 đồng, lãi 1.200.000 đồng). Tiền lãi theo quy định nhà nước với lãi suất 20%/năm là 219.178 đồng, L thu lợi bất chính số tiền 980.822 đồng.

- Lần 2: Khoảng tháng 8/2023, Văn Thị H tiếp tục vay không kỳ hạn số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm. Tính đến ngày 05/01/2024 H chưa thanh toán được số tiền gốc, lãi. Tiền lãi theo quy định nhà nước với lãi suất 20%/năm là 701.370 đồng, L nhằm thu lợi bất chính số tiền 3.138.630 đồng.

Tổng số tiền L cho H vay lãi nặng nhằm thu lời bất chính là 4.119.452 đồng, đã thu lợi bất chính 980.822 đồng.

Ngoài ra, Bùi Thị Tố L còn cho Văn Thị H vay số tiền 100.000.000 đồng, Ngô Thị L1 vay 02 lần, mỗi lần số tiền 150.000.000 đồng, Trương Thị T2 ở Tổ dân phố N, phường T, thành phố S vay số tiền 50.000.000 đồng, đều thỏa thuận mức lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ ngày, tương đương lãi suất 73%/năm, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển đến Công an thành phố S đề nghị Chủ tịch UBND thành phố S xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ Thông tư số: 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N1 về quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa các tổ chức tín dụng với khách hàng, xác định Bùi Thị Tố L đã cho 02 người vay với 04 lần vay, trong đó có Văn Thị H vay 02 lần, nhưng L sử dụng số tiền cho các lần vay là số tiền quay vòng. Do đó, tổng số tiền Bùi Thị Tố L sử dụng để cho vay là 130.000.000 đồng, lãi suất 109,5%/năm cao gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, nhằm thu lời bất chính với tổng số tiền 56.789.589 đồng, đã thu lợi bất chính 39.610.959 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại S 5 gắn sim số 0921.326.999; 06 hợp đồng vay, giấy vay; 02 thẻ ngân hàng A hiện đang quản lý theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ngô Thị L1, Văn Thị H không đề nghị Bùi Thị Tố L trả lại số tiền thu lời bất chính.

Cáo trạng số 25/CTr-VKS-HS ngày 25/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn truy tố Bùi Thị Tố L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 201;

điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS.

Đề nghị tuyên bố: Bùi Thị Tố L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Mức án đề nghị xử phạt Bùi Thị Tố L từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 40 đến 50 triệu đồng; Khấu trừ thu nhập 5% đến 20% trên mức bình quân thu nhập hàng tháng của bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại S gắn sim số; Trả lại cho bị cáo: 02 thẻ ngân hàng A; Đối với 06 hợp đồng vay, giấy vay là vật chứng liên quan đến vụ án đó cần lưu trữ theo hồ sơ vụ án

Về biện pháp tư pháp: Truy thu từ bị cáo Bùi Thị Tố L số tiền 132.690.411đ (*Một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng*); Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền nợ gốc còn lại từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Văn Thị Hằng s tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng); Đối với số tiền thu lời bất chính chị Ngô Thị L1 và Văn Thị H không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền trên nên miễn xét.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét đến hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS, áp dụng Điều 54 và Điều 59 BLHS miễn hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy trong quá trình điều tra những người này đã có bản khai đầy đủ, rõ ràng nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 BLTTHS Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp và đúng quy định.

[2]. Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bùi Thị Tố L khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 8/2023, Bùi Thị Tố L đã cho 02 người vay với 04 lần vay, tổng số tiền cho vay là 130.000.000 đồng, với mức lãi suất 109,5%/năm (vượt gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) nhằm thu lợi bất chính số tiền 56.789.589 đồng, đã thu lợi bất chính 39.610.959 đồng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 BLHS. Do đó việc truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Do hám lợi từ việc cho vay tiền lãi cao nên bị cáo đã nhiều lần cho nhiều người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 130.000.000 đồng, với lãi suất cho vay là 109,5%/năm, nhằm thu lợi bất chính số tiền 56.789.589 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp đến trật tự quản lý của Nhà nước về tín dụng, xâm phạm lợi ích của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Do đó cần phải được xử lý nghiêm minh để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tự giác ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Nên khi lượng hình cũng nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Căn cứ vào tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần áp dụng Điều 36 BLHS cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ tại địa phương. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận làm nghề kinh doanh bất động sản, thu nhập trung bình hàng tháng từ 5 đến 7 triệu đồng, nên cần xem xét khấu trừ thu nhập của bị cáo hàng tháng là 10% trên tổng thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

[5] Xét quan điểm bào chữa của bị cáo: Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo là hành vi xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về tín dụng, không xác định thiệt hại xảy ra trong vụ án nên việc bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS là không có căn cứ. Ngoài ra bị cáo phạm tội với cố ý, bị cáo có đầy đủ nhận thức pháp luật về hành vi phạm tội của mình, nhưng do bản chất hám lợi từ việc cho vay lãi cao nên bất chấp quy định pháp luật, lao vào con đường phạm tội do đó việc đề nghị áp dụng Điều 54 và Điều 59 BLHS xem xét xử dưới khung hoặc miễn hình phạt là cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với hành vi thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung, phạt bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước theo quy định

[7] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại công cụ phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 02 thẻ ngân hàng A là tài sản cá nhân nên xem xét trả lại cho bị cáo; Đối với 06 hợp đồng vay, giấy vay là vật chứng chứng minh tội phạm nên cần tuyên chuyển lưu trữ theo hồ sơ vụ án

[8] Biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc và lãi thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo đã nhận từ những người vay thì cần truy thu để sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền gốc những người vay chưa trả lại cho bị cáo thì cần tiếp tục truy thu để sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền phong tỏa trong tài khoản ngân hàng của bị cáo cần hủy bỏ biện pháp phong tỏa và giao cho Cơ quan thi hành án quy trữ để đảm bảo nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án. Đối với số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính từ những người vay, những người vay không yêu cầu bị cáo trả lại nên không xem xét

[9] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. ‘

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 36 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 130; Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị Tố L phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Tố L 12 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ đi thời hạn 03 ngày tạm giữ (tương đương 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 11 tháng 21 ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Cơ quan THAHS Công an T nhận được quyết định thi hành án. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo mỗi tháng là 600.000 đồng trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo số tiền 40.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước

Xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Galaxy Z Fold 5 gắn sim số; Trả lại 02 thẻ ngân hàng A cho bị cáo; Đối với 06 hợp đồng vay, giấy vay yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn bàn giao lại cho Tòa án để lưu trữ theo hồ sơ vụ án. Các vật chứng là tang vật của vụ án được tạm giữ và mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng số 29/BBVC-CCTHA ngày

27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo Bùi Thị Tố L sử dụng là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội (Bao gồm tiền gốc cho vay đã thu hồi và số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất (20%/năm) theo quy định của bộ luật dân sự) là: 132.690.411 đồng (*một trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng*)

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền nợ gốc còn lại từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Văn Thị Hằng s tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng)

- Hủy bỏ biện pháp phong tỏa tài khoản số 234816868888 của Ngân hàng TMCP A mang tên Bùi Thị Tố L theo lệnh phong tỏa tài khoản số 23/LPT-CQCSĐT ngày 09/01/2024 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố S. Số dư tài khoản tính đến ngày 05/01/2024 là 56.023.765 đồng số tiền trên tiếp tục quy trừ và giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn quản lý để đảm bảo nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo (phần liên quan đến mình) trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể ngày niêm yết bản án

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVQL;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Sầm Sơn;
- Thi hành án HS, DS TP. Sầm Sơn;
- UBND xã phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng